

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: /UBND-NCTCD

Long An, ngày tháng 9 năm 2022

V/v thực hiện các phương thức sử dụng thông tin công dân thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành, Đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 13/11/2020, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Cư trú, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021. Để việc triển khai thực hiện quy định của Luật Cư trú năm 2020 thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh và nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân khi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú không còn giá trị sử dụng sau ngày 31/12/2022; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1. Tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền đến người dân về các phương thức sử dụng thông tin công dân thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự

Một số phương thức sử dụng thông tin công dân mà người dân có thể sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự mà không cần phải xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú như sau:

1.1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú

Thẻ Căn cước công dân thể hiện thông tin cơ bản về lai lịch, nhận dạng của công dân, khi công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về căn cước công dân (Khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014).

Các thông tin trên mặt thẻ Căn cước công dân gồm: ⁽¹⁾ Ảnh; ⁽²⁾ Số thẻ Căn cước công dân (số Định danh cá nhân); ⁽³⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁵⁾ Giới tính; ⁽⁶⁾ Quốc tịch; ⁽⁷⁾ Quê quán; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Ngày, tháng, năm hết hạn; ⁽¹⁰⁾ Đặc điểm nhận dạng; ⁽¹¹⁾ Vân tay; ⁽¹²⁾ Ngày, tháng, năm cấp thẻ; ⁽¹³⁾ Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

1.2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân có gắn chip

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ Căn cước công dân.

Các thông tin gồm: Số Căn cước công dân; số Chứng minh nhân dân 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp Căn cước công dân.

1.3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ Căn cước công dân

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ Căn cước công dân phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Thiết bị này do Trung tâm Dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nghiên cứu kết hợp sản xuất.

Các thông tin gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Quê quán; ⁽⁵⁾ Dân tộc; ⁽⁶⁾ Tôn giáo; ⁽⁷⁾ Quốc tịch; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾ Số chứng minh đã được cấp; ⁽¹¹⁾ Ngày cấp; ⁽¹²⁾ Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); ⁽¹³⁾ Đặc điểm nhận dạng; ⁽¹⁴⁾ Ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾ Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾ Số thẻ Căn cước công dân (số Định danh cá nhân).

1.4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bằng cách:

Bước 1: Công dân truy cập vào địa chỉ Website

<https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/mật khẩu truy cập (sử dụng tài khoản Cổng Dịch vụ công quốc gia); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng "Thông tin công dân" và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó ấn "Tìm kiếm".

Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiển thị trên màn hình gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Nơi thường trú; ⁽⁷⁾ Số định danh cá nhân; ⁽⁸⁾ Số Chứng minh nhân dân.

1.5. Sử dụng ứng dụng VneID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), bằng cách:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2 ¹; thực hiện cài đặt ứng dụng VneID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VneID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử, như sau:

¹ **Danh sách dịch vụ Tài khoản mức 1:** Phòng chống dịch; tích hợp thông tin cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Dịch vụ công quốc gia; cập nhật các tin tức, bài viết, thông báo mới nhất từ Bộ Công an; Thanh toán hóa đơn.

Danh sách dịch vụ Tài khoản mức 2: Bao gồm các dịch vụ của Tài khoản mức 1 và một số dịch vụ kèm theo, như: Tích hợp thông tin thẻ Căn cước công dân từ Hệ thống Căn cước công dân quốc gia; tích hợp thông tin các loại giấy tờ tùy thân, thông tin người phụ thuộc và các nhóm thông tin của các Bộ, Ban ngành; Dịch vụ an sinh xã hội; chia sẻ thông tin đã được định danh điện tử cho các bên thứ 3; đăng ký tài khoản định danh cho tổ chức, doanh nghiệp; đăng ký định danh cho pháp nhân.

(1) Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (liên thông với Cổng Dịch vụ công của các Bộ, Ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các Dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng Dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin.

Các thông tin gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Quê quán; ⁽⁵⁾ Dân tộc; ⁽⁶⁾ Tôn giáo; ⁽⁷⁾ Quốc tịch; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾ Số Chứng minh nhân dân đã được cấp; ⁽¹¹⁾ Ngày cấp; ⁽¹²⁾ Ngày hết hạn (của thẻ Căn cước công dân); ⁽¹³⁾ Đặc điểm nhận dạng; ⁽¹⁴⁾ Ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾ Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾ Số thẻ Căn cước công dân (Số Định danh cá nhân).

(2) Sử dụng các thông tin hiển thị trên VneID

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VneID trên thiết bị di động. Các thông tin về Căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VneID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VneID gồm: Số Căn cước công dân; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; Căn cước công dân có giá trị đến; đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp; Số điện thoại.

(3) Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với Hệ thống Định danh xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

1.6. Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú (Mẫu CT07 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua Dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công Bộ Công an, Cổng Dịch vụ công quản lý cư trú). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử.

Giấy xác nhận thông tin về cư trú của công dân thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình (Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 06 tháng kể từ ngày cấp đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú xác nhận về việc khai báo cư trú).

Các thông tin thể hiện trên giấy xác nhận: ⁽¹⁾ Số Định danh cá nhân; ⁽²⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽³⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁴⁾ Giới tính; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Dân tộc; ⁽⁷⁾ Tôn giáo; ⁽⁸⁾ Quốc tịch; ⁽⁹⁾ Nơi thường trú; ⁽¹⁰⁾ Nơi tạm trú; ⁽¹¹⁾ Nơi ở hiện tại; ⁽¹²⁾ Họ tên chủ hộ, số Định danh cá nhân của chủ hộ và quan hệ với chủ hộ; ⁽¹³⁾ Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

1.7. Sử dụng Thông báo Số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân sử dụng Thông báo số định danh và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Cơ quan Công an cấp để giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự cần chứng minh về nơi cư trú.

Các thông tin trên Thông báo số Định danh cá nhân: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Dân tộc; ⁽⁷⁾ Tôn giáo; ⁽⁸⁾ Quốc tịch; ⁽⁹⁾ Tình trạng hôn nhân; ⁽¹⁰⁾ Nơi thường trú; ⁽¹¹⁾ Nơi ở hiện tại; ⁽¹²⁾ Quan hệ với chủ hộ; ⁽¹³⁾ Nhóm máu; ⁽¹⁴⁾ Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ; ⁽¹⁵⁾ Số Định danh cá nhân.

2. Chỉ đạo các đơn vị, bộ phận chức năng khi tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự của công dân thì căn cứ vào thông tin trên thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, Thông báo Số định danh cá nhân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, các phương thức ứng dụng dữ liệu dân cư và căn cước công dân để xác định nơi cư trú của công dân, không yêu cầu công dân xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú.

3. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc có yêu cầu xuất trình giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Cư trú năm 2020.

4. Chuẩn bị tốt các điều kiện về hạ tầng, an ninh, an toàn thông tin hệ thống để triển khai kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm sử dụng thông tin về cư trú của công dân thay cho yêu cầu công dân phải xuất trình giấy tờ chứng minh về cư trú trong giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự cho người dân.

Thủ trưởng các ngành, các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung chỉ đạo này. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc trao đổi Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Địa chỉ: Số 02 Quốc lộ 1, phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Bộ Công an (C06);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban NCTCD;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**